

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt khối lượng và dự toán thực hiện nhiệm vụ
theo dõi diễn biến rừng tỉnh Thanh Hóa năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số Điều của Luật Lâm nghiệp; số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Căn cứ Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL ngày 2/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4700/STC-HCSN ngày 14/9/2020; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 170/TTr-SNN&PTNT ngày 26/8/2020 (kèm theo ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5258/SKHĐT-KTNN ngày 7/9/2020; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6171/STNMT-ĐDBĐ ngày 07/9/2020; của Cục Thống kê tại Công văn số 404/CTK-NN ngày 07/9/2020 và hồ sơ khác liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khối lượng, dự toán thực hiện nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng tỉnh Thanh Hóa năm 2021 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên nhiệm vụ: Theo dõi diễn biến rừng năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Đơn vị tổ chức thực hiện: Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Khối lượng, diện tích rừng biến động thực hiện trên địa bàn tỉnh:
Khoảng 23.000 ha.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện

Quy trình thực hiện nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng tuân thủ, thực hiện theo Điều 33, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, cụ thể:

- Bước 1: Tiếp nhận thông tin biến động về tài nguyên rừng và các thông tin lô rừng từ chủ rừng.

- Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, phiếu, biểu... phục vụ kiểm tra hiện trường khu vực có biến động.

- Bước 3: Kiểm tra, điều tra thực địa, đánh giá hiện trạng lô rừng (sử dụng thiết bị GPS, Máy tính bảng và các dụng cụ điều tra, đo đạc hiện đại để xác định diện tích, trạng thái lô biến động).

- Bước 4: Số hóa, chuyển tải lô biến động đã được điều tra, đo đạc vào phần mềm diễn biến rừng

- Bước 5: Kiểm tra diễn biến rừng cấp xã (cơ sở dữ liệu - hiện trường - biểu tổng hợp) và đồng bộ dữ liệu lên máy chủ.

- Bước 6: Tổng hợp kết quả diễn biến rừng cấp huyện.

- Bước 7: Kiểm tra cơ sở dữ liệu, hiện trường và hồ sơ tài liệu cập nhật diễn biến rừng cấp huyện.

- Bước 8: Nghiệm thu kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp huyện.

- Bước 9: Lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả diễn biến rừng cấp huyện.

- Bước 10: Tổng hợp, lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả diễn biến rừng cấp tỉnh.

6. Nội dung công việc: Nội dung theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thực hiện Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Điều 33, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

7. Sản phẩm theo dõi diễn biến rừng: Hồ sơ, phiếu, biểu tổng hợp, bản đồ số, báo cáo kết quả thực hiện theo Điều 38, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

8. Dự toán và nguồn kinh phí thực hiện

- Dự toán kinh phí thực hiện: 1.770 triệu đồng (*Một tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu đồng*).

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh năm 2021.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

9. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này để triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn Chi cục Kiểm lâm thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và hồ sơ liên quan đến công tác theo dõi diễn biến rừng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ, giao dự toán thực hiện nhiệm vụ nêu trên theo đúng quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh về những nội dung liên quan đến thẩm định khối lượng, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt.

3. Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Y tế và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến đơn vị mình; đồng thời theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này đảm bảo đúng nội dung, chất lượng, tiến độ thời gian theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NN.

(MC73.09.20)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục:

DỰ TOÁN
KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

- Căn cứ Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL, ngày 02/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 9/5/2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Định mức chi phí theo dõi diễn biến rừng:

$$15.000\text{đ/ha} \times 1.490.000\text{đ}/290.000\text{đ} = 77.000\text{đ/ha}.$$

- Chi phí theo dõi diễn biến = $23.000\text{ha} \times 77.000\text{đ/ha} = 1.770$ triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Chi phí theo dõi DBR (%)	Tổng tiền	Ghi chú
1	Ngoại nghiệp	40	708,0	Áp dụng Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL, ngày 02/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Nội nghiệp	15	265,5	
3	Dụng cụ kỹ thuật, VPP	5	88,5	
4	Cập nhật bản đồ, số liệu	15	265,5	
5	Kiểm tra, nghiệm thu	15	265,5	
6	Tổng hợp báo cáo	10	177	
Tổng			1.770,00	
<i>Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn.</i>				